

Số: 37 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Dệt may Huế

Thực hiện Quyết định số 09/QĐ-TTr ngày 10/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Dệt may Huế ngày 06/3/2023; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dệt may Huế (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300100628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 22/7/2022.
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: sản xuất sợi, dệt, nhuộm, may.
- Điện thoại giao dịch: 02343.864.337.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 122 Dương Thiệu Tước, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tài khoản giao dịch:
 - + Số 0161000000369 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế;
 - + Số 113000020492 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế.
- Đã thành lập Công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 4.622 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Hình thức và phương thức tuyển dụng lao động: tuyển dụng trực tiếp theo quy định tại quy chế tuyển dụng và chấm dứt hợp đồng lao động ngày 01/01/2023 của Tổng giám đốc. Quy chế tuyển dụng có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tại bước 2 phần 2 mục E thông báo tuyển dụng quy định “Đề đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động đang làm việc tại Công ty, Công ty không tuyển dụng lao động nghiện ma túy, có vi phạm tiền án tiền sự” là không đúng quy định.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Doanh nghiệp không phát sinh trường hợp ký kết hợp đồng đào tạo nghề.

- Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động bằng bản điện tử. Tuy nhiên, nội dung sổ quản lý lao động thiếu các nội dung: nâng bậc, nâng lương; số ngày nghỉ trong năm; số giờ làm thêm; học nghề, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người (Tổng Giám đốc).

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 4.621 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động 4.621 người (hợp đồng lao động không xác định thời hạn).

- Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: không phát sinh.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2021 đến nay: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra là 1.807 người, trong đó có 511 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đã được doanh nghiệp trả số tiền là 2.101.936.031 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc 01 lần/năm.

- Đã ký kết TULĐTT và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, kiểm tra hồ sơ TULĐTT tại doanh nghiệp không có biên bản cuộc họp thương lượng tập thể.

- Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.
- Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp (ngày 01/01/2021).

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.640.000 đồng/người/tháng (vùng III).
- Thu nhập thấp nhất: 6.915.650 đồng/người/tháng, cao nhất: 61.892.500 đồng/người/tháng, bình quân: 9.367.882 đồng/người/tháng.
- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản. Doanh nghiệp trả phí mở tài khoản và duy trì tài khoản.
- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (đối với khối văn phòng) và theo sản phẩm (đối với khối sản xuất).
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Kiểm tra bảng thanh toán tiền lương tháng 4/2021, doanh nghiệp trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- Kiểm tra bảng thanh toán tiền lương tháng 4/2021, doanh nghiệp trả đủ tiền lương cho người lao động làm việc vào ban đêm.
- Làm thêm vào ban đêm: không phát sinh.
- Đã trả đủ tiền lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động do thôi việc, mất việc làm.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động, việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Đã tổ chức ăn ca cho người lao động với mức: ca 1, 2: 18.000 đồng/người/suất; ca 3: 24.000 đồng/người/suất.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: 08 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Đã thực hiện nghỉ chuyển ca, nghỉ giữa ca theo quy định.
- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 300 giờ/năm.
- Đã thực hiện đúng các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.
- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày, lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày (chưa tính thâm niên).
- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc khi được ủy quyền.

- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội quy lao động chưa quy định cụ thể bí mật công nghệ của người sử dụng lao động.

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 3.349 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Doanh nghiệp hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ dưới 72 tháng tuổi số tiền 50.000 đồng/tháng/01 cháu.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 4.190 người; doanh nghiệp không sử dụng lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 227 người.

- Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và ban hành quy chế hoạt động; an toàn, vệ sinh viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 04 người (làm việc theo chế độ chuyên trách).

- Doanh nghiệp đã thành lập Trạm y tế gồm 11 người (trong đó có 01 bác sĩ) và được Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Tổng số máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 128 máy, thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn đạt yêu cầu và còn thời hạn kiểm định (ngoài ra còn có 01 nồi hơi do Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành chịu trách nhiệm quản lý, vận hành để cung cấp hơi cho Công ty Cổ phần Dệt may Huế).

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động:

+ Năm 2021 đã tổ chức huấn luyện cho 4.812 người (nhóm 1: 47 người, nhóm 2: 13 người, nhóm 3: 289 người, nhóm 4: 4.389 người, nhóm 5: 09 người, nhóm 6: 65 người).

+ Năm 2022 đã tổ chức huấn luyện cho 4.878 người (nhóm 1: 47 người, nhóm 2: 13 người, nhóm 3: 203 người, nhóm 4: 4.528 người, nhóm 5: 09 người, nhóm 6: 78 người).

+ Doanh nghiệp đủ điều kiện huấn luyện và đã tự tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động thuộc nhóm 4.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và lập sổ theo dõi có ký nhận của người lao động.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa hộp) cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo 2 mức: mức 1 là 13.000 đồng/người/suất và mức 2 là 20.000 đồng/người/suất.

- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra: 08 vụ, trong đó:

- + Tai nạn nhẹ: 06 vụ (làm bị thương 06 người).
- + Tai nạn lao động nặng: 02 vụ (làm bị thương 02 người).
- + Tai nạn lao động chết người: không.
- + Số vụ tai nạn lao động đã được điều tra: 08 vụ.
- + Số người bị tai nạn lao động đã được khám giám định mức suy giảm khả năng lao động: 02 người..
- + Số người bị tai nạn lao động đã bố trí trở lại làm việc: 08 người.
- + Đã thực hiện các chế độ đối với người bị tai nạn lao động.
- + Doanh nghiệp ban hành 01 quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở (Quyết định số 636/QĐ-DMH ngày 01/9/2020) để điều tra 08 vụ tai nạn lao động.
 - Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không có chữ ký của nạn nhân (hoặc người biết sự việc, người có liên quan đến vụ tai nạn lao động).
 - + Doanh nghiệp lập hồ sơ vụ tai nạn lao động không đầy đủ theo quy định (không có: sơ đồ hiện trường, ảnh hiện trường, ảnh nạn nhân, biên bản lấy lời khai).
 - Đã quan trắc môi trường lao động hằng năm:
 - + Năm 2021 đo 2.212 mẫu (không có mẫu vượt tiêu chuẩn cho phép).
 - + Năm 2022 đo 2.624 mẫu (số mẫu đạt tiêu chuẩn cho phép: 2.607 mẫu; số mẫu vượt tiêu chuẩn cho phép: 17 mẫu).
 - Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
 - Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm công việc bình thường một năm 01 lần; người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám 06 tháng một lần; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.
 - Doanh nghiệp đã tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.
 - Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 4.622 người.
- Số người đã tham gia: 4.622 người.
- Số người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 0 người.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và khoản phụ cấp trách nhiệm.

- Số tiền đã nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2021 là 74.140.997.716 đồng, năm 2022 là 76.922.411.612 đồng, 02 tháng đầu năm 2023 là 13.358.466.676 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động đến hết tháng 02/2023.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm; báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã ban hành quy trình tuyển dụng, thực hiện tuyển dụng lao động đúng quy trình; đã lập, cập nhật sổ quản lý lao động.

1.3. Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động đúng quy định; đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện được hưởng.

1.6. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.7. Đã ký kết TULĐTT và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

1.8. Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động theo quy định; không dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.10. Đã tổ chức ăn ca cho người lao động.

1.11. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 300 giờ/năm.

1.12. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.13. Đã thực hiện đầy đủ các quy định riêng đối với lao động nữ; đã hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ dưới 72 tháng tuổi số tiền 50.000 đồng/tháng/01 cháu.

1.14. Doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.15. Đã thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động:

- Phân loại 4.190 người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 227 người làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.

- Thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và ban hành quy chế hoạt động, chi trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.

- Bố trí 04 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách.

- Thành lập Trạm y tế gồm 11 người (trong đó có 01 bác sĩ) và được Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- Sử dụng 128 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định kỹ thuật an toàn đạt yêu cầu và còn thời hạn kiểm định.

- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi cấp phát.

- Bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa hộp) cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Điều tra 06 vụ tai nạn lao động nhẹ, 02 vụ tai nạn lao động nặng theo thẩm quyền; giới thiệu người lao động bị tai nạn lao động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động; đã thực hiện các chế độ đối với người bị tai nạn lao động.

- Thực hiện quan trắc môi trường lao động.

- Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định. Lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản.

- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.

- Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động.

1.16. Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% người thuộc đối tượng bắt buộc phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động đến hết tháng 02/2023.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Quy chế tuyển dụng có nội dung phân biệt đối xử trong lao động là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 Bộ luật Lao động, cụ thể: tại bước 2 phần 2 mục E thông báo tuyển dụng quy định “Để đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động đang làm việc tại Công ty, Công ty không tuyển dụng lao động nghiện ma túy, có vi phạm tiền án tiền sự”.

2.2. Lập sổ quản lý lao động không đảm bảo các nội dung cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ, cụ thể: còn thiếu các nội dung nâng bậc, nâng lương, số ngày nghỉ trong năm, số giờ làm thêm, học nghề, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.3. Hồ sơ TULĐTT không có biên bản cuộc họp thương lượng tập thể quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Nội quy lao động chưa quy định cụ thể danh mục tài sản, bí mật công nghệ trong sản xuất kinh doanh quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.5. Ban hành một quyết định thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để điều tra 08 vụ tai nạn lao động thuộc thẩm quyền là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.6. Biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không có chữ ký của nạn nhân (hoặc người biết sự việc, người có liên quan đến vụ tai nạn lao động) theo mẫu Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.7. Hồ sơ vụ tai nạn lao động đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (không có: sơ đồ hiện trường, ảnh hiện trường, ảnh nạn nhân, biên bản lấy lời khai).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 13/3/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp; hình thức xử phạt: phạt tiền; số tiền xử phạt: 15.000.000 đồng (bằng chữ: mười lăm triệu đồng).

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Tổng giám đốc doanh nghiệp khắc phục vi phạm tại Kết luận này như sau:



Vi phạm số 2.5, 2.6, 2.7 khắc phục khi có phát sinh.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện kiến nghị và các tài liệu chứng minh việc thực hiện kiến nghị thanh tra của doanh nghiệp, gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long

